TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/KDTM-ST
Ngày: 17/7/2018
Về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng
2. Bà Phan Thị Lan
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2017/TLST-KDTM ngày 06/10/2017, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2018/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2018/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần K.
Địa chỉ trụ sở: Thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ chi nhánh: đường S, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà L, sinh năm 1976 (Giấy ủy quyền ngày 09/8/2017) (có mặt).
Bị đơn: Ông T, sinh năm 1976 - Chủ Hộ kinh doanh K(vắng mặt);
Địa chỉ : đường C, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017 của Công ty cổ phần K cùng lời khai của bà L đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần K, trình bày như sau:

Công ty cổ phần K ủy quyền cho chi nhánh Công ty cổ phần K (TP Hà Nội) (nay là Chi nhánh tại TP.HCM Công ty cổ phần K) ký kết với Hộ kinh doanh Kdo ông T làm chủ hộ, Hợp đồng nguyên tắc bán hàng năm 2014 số 216/CNKVT-HDDTT2014 ngày 01/3/2014, và số 216/CNKVT-HDDTT2014 ngày 02/01/2015, thỏa thuận : Hộ kinh doanh K mua của Công ty cổ phần K hàng hóa là sản phẩm do

công ty sản xuất bao gồm các loại khóa, bản lề, clemon, thanh khóa; đơn giá theo từng thời điểm (có thông báo đến người mua), thanh toán làm 1 lần vào ngày 26 đến ngày 30 trong tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Sau khi ký 02 hợp đồng nêu trên, Hộ kinh doanh K mua và đã nhận hàng mua của Công ty cổ phần K bao gồm các loại khóa, bản lề, clemon, thanh khóa từ tháng 3/2014 đến tháng 01/2015 là với tổng giá trị là 3.844.140.051 đồng, tiền mua hàng đã trả được là 3.505.992.979đồng, còn nợ lại là 338.147.072 đồng. Hai bên có ký Biên bản xác nhận công nợ số 23/XĐCN-2015 ngày 02/02/2015, thỏa thuận Hộ kinh doanh K phải trả tiền nợ mua hàng là 338.147.072 đồng cho Công ty cổ phần K vào từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 2 năm 2015. Tuy nhiên, mặc dù Công ty cổ phần K đã nhiều lần tìm gặp ông T – Chủ Hộ kinh doanh K yêu cầu trả nợ nêu trên, nhưng đến nay vẫn không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho Công ty.

Nay Công ty cổ phần K yêu cầu ông T – Chủ Hộ kinh doanh K phải trả cho Công ty cổ phần K số tiền mua hàng còn nợ là 338.147.072đồng, trả toàn bộ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

- Ông T – Chủ Hộ kinh doanh K không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có gửi văn bản nêu ý kiến tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 04/8/2017 Công ty cổ phần K đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự) yêu cầu ông T – Chủ Hộ kinh doanh K trả tiền mua hàng còn nợ theo hợp đồng bán hàng có ghi địa chỉ Hộ kinh doanh Kdo ông T đại diện là đường C, Phường T, Quận S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do ông T không còn cư trú tại địa chỉ mà Công ty cổ phần K cung cấp (theo kết quả xác minh của Công an Phường T, Quận S). Tuy nhiên, căn cứ công văn số 166a/KT ngày 23/3/2018 của Phòng kinh tế Quận 6 thì Hộ kinh doanh K do ông T đại diện hộ có địa điểm kinh doanh tại đường C, Phường T, Quận S hiện trong danh sách quản lý đăng ký kinh doanh. Vì vậy, căn cứ điểm a

khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T – Chủ Hộ kinh doanh K theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông T – Chủ Hộ kinh doanh K đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng ông T – Chủ Hộ kinh doanh K vẫn không đến tòa để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc ông T – Chủ Hộ kinh doanh K là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông T – chủ Hộ kinh doanh K.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tống đạt hợp lệ cho ông T – Chủ Hộ kinh doanh K thông báo thụ lý số 1193/TB-TLVA ngày 09/10/2017 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo đơn khởi kiện của Công ty cổ phần K yêu cầu ông T – Chủ Hộ kinh doanh K trả tiền mua hàng còn nợ. Phía ông T – Chủ Hộ kinh doanh Kkhông có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông T – Chủ Hộ kinh doanh K đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Công ty cổ phần K đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Công ty cổ phần K đưa ra có giá trị chứng minh.

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc bán hàng năm 2014 số 216/CNKVT-HDDTT2014 ngày 01/3/2014, hợp đồng nguyên tắc bán hàng năm 2015 số 216/CNKVT-HDDTT2014 ngày 02/01/2015 và Quy chế chi nhánh của Công ty cổ phần K ngày 28/9/2013, cho thấy giao dịch giữa Công ty cổ phần K và Hộ kinh doanh K là "Hợp đồng mua bán hàng hóa" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự và Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Hộ kinh doanh K mua của Công ty cổ phần K hàng hóa là sản phẩm do công ty sản xuất bao gồm các loại khóa, bản lề, clemon, thanh khóa; đơn giá theo từng thời điểm thể hiện trên bảng giá kèm theo, thanh toán làm 1 lần vào ngày 26 đến ngày 30 trong tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Bà L đại diện Công ty cổ phần K trình bày Hộ kinh doanh K mua và đã nhận hàng mua của Công ty cổ phần K bao gồm các loại khóa, bản lề, clemon, thanh khóa từ tháng 3/2014 đến tháng 01/2015 là với tổng giá trị là 3.844.140.051đồng, tiền mua hàng đã trả được là 3.505.992.979đồng, còn nợ lại là 338.147.072đồng cho đến nay chưa thanh toán.

Theo biên bản xác nhận công nợ số 23/XĐCN-2015 ngày 02/02/2015 cho thấy Hộ kinh doanh K nợ của Công ty cổ phần K tiền mua hàng theo hợp đồng nguyên tắc bán hàng năm 2015 số 216/CNKVT-HDDTT2015 ngày 02/01/2015 là 338.147.072đồng. Như vậy, căn cứ Điều 50 Luật Thương mại và khoản 1 Điều 66 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015, ông T – Chủ Hộ kinh doanh Kphải thanh toán cho Công ty cổ phần K tiền mua hàng còn nợ là: 338.147.072đồng.

Thời hạn thanh toán: Căn cứ khoản 1 Điều 285 Bộ luật Dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, vì vậy ông T – Chủ Hộ kinh doanh K phải trả cho Công ty cổ phần K tiền mua hàng theo thỏa thuận tại điều 4 Hợp đồng nguyên tắc bán hàng năm 2015 số 216/CNKVT-HDDTT2015 ngày 02/01/2015 là "*… bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản cho từng lô hàng theo phương thức: Thanh toán làm 1 lần trong trong tháng vào ngày 26 đến 30 hàng tháng*" và biên bản xác nhận công nợ số 23/XĐCN-2015 ngày 02/02/2015 là "*... chuyển số tiền còn nợ trên làm căn cứ thanh toán cho kỳ sau (từ ngày 02 tháng 02 năm 2015)*", tức thanh toán vào ngày 26 đến 30 tháng 02/2015. Tuy nhiên, cho đến nay Hộ kinh doanh Kchưa thanh toán số tiền nợ nêu trên, là đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần K. Vì vậy, ông T – Chủ Hộ kinh doanh Kphải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần K toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ là 338.147.072đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với đạo đức của xã hội và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại thì trong trường hợp ông T – Chủ Hộ kinh doanh K chậm trả tiền, Công ty cổ phần K có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Ông T – Chủ Hộ kinh doanh Kphải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 338.147.072đồng x 5% = 16.907.354 đồng.

Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu, nên Công ty cổ phần K được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0028140 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, khoản 1 Điều 285 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại; khoản 1 Điều

66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty cổ phần K:

Buộc ông T – Chủ Hộ kinh doanh K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần K tiền mua hàng còn nợ là 338.147.072 (ba trăm ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi hai)đồng, theo Hợp đồng nguyên tắc bán hàng năm 2015 số 216/CNKVT-HDDTT2015 ngày 02/01/2015 và biên bản xác nhận công nợ số 23/XĐCN-2015 ngày 02/02/2015.

Ông T – Chủ Hộ kinh doanh K phải thanh toán cho Công ty cổ phần K toàn bộ số tiền 338.147.072 (ba trăm ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi hai)đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày Công ty cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu nêu trên, hàng tháng ông T – Chủ Hộ kinh doanh Kcòn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông T – Chủ Hộ kinh doanh K phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.907.354 (mười sáu triệu chín trăm lẽ bảy ngàn ba trăm năm bốn) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000 (tám triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0028140 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T – Chủ Hộ kinh doanh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa